

BÁO CÁO

**V/v tổng kết 10 năm mô hình Tổ chức điều phối phát triển
các vùng kinh tế trọng điểm theo Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg ngày
18/12/2004 của Thủ tướng chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Thực hiện Công văn số 3374/BKHĐT-KTĐPLT ngày 24/5/2013 về việc báo cáo tổng kết 10 năm mô hình Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo các nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TỈNH BÌNH ĐỊNH

Những đặc điểm của tỉnh Bình Định tác động tới công tác, mô hình tổ chức điều phối các Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ).

Tỉnh Bình Định có diện tích tự nhiên: 6.025 km², thuộc vùng KTTĐ miền Trung theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng vùng KTTĐ miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Đến năm 2012 dân số toàn tỉnh có khoảng 1,5 triệu người, thu ngân sách nhà nước 4.244 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 14.730 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt gần 522 triệu USD, nhập khẩu 181 triệu USD. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân khoảng 873.000 người, trong đó có trên 41% đã qua đào tạo; thu nhập bình quân đầu người đạt 28 triệu đồng mỗi năm.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trở thành một tỉnh trong miền Trung vào năm 2004, tỉnh Bình Định với việc hình thành Khu kinh tế Nhơn Hội và sự phát triển của thành phố Quy Nhơn đã phát huy vai trò là trung tâm tăng trưởng kinh tế phía Nam của Vùng KTTĐ miền Trung.

Bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010, tỉnh Bình Định đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi. Tuy nhiên từ cuối năm 2007, tình hình kinh tế thế giới diễn biến theo chiều hướng phức tạp và không ổn định. Khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu đã tác động mạnh đến lĩnh vực sản

xuất công nghiệp, hoạt động xuất khẩu, đầu tư và du lịch, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân trong tỉnh, đã tác động lớn đến kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm qua.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP bình quân 5 năm dự kiến đạt 10,9%, không đạt mục tiêu kế hoạch đề ra là 13%, chủ yếu là do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, sức mua của các nước có thị trường truyền thống giảm sút đáng kể, sản xuất kinh doanh khó khăn, hiệu quả thấp; các doanh nghiệp giãn tiến độ hoặc chưa đầu tư xây dựng các công trình ảnh hưởng đến năng lực sản xuất.

Khu vực nông-lâm-ngư nghiệp đạt và vượt chỉ tiêu tăng trưởng bình quân 5 năm (7,1% so với kế hoạch 5,6%), còn lại công nghiệp-xây dựng và dịch vụ không đạt (công nghiệp-xây dựng tăng 15,2% so với kế hoạch 21,8%, dịch vụ 11,2% so với kế hoạch 13,5%). Tỷ trọng của nông-lâm-ngư nghiệp giảm từ mức 38,4% năm 2005 xuống còn 35,7% năm 2010 (so với kế hoạch 27,6%). Công nghiệp-xây dựng tăng từ 26,7% năm 2005 lên 27,2% năm 2010 (so với kế hoạch 37,4%). Dịch vụ tăng từ 34,9% lên 37,1% (vượt so với kế hoạch là 35%) do tốc độ tăng chung của nền kinh tế giảm dẫn đến tỷ trọng của ngành dịch vụ cao. Vốn đầu tư toàn xã hội trong cả 5 năm thời kỳ 2006-2010 dự kiến đạt 37,8 nghìn tỷ đồng (không đạt kế hoạch đề ra là 45 nghìn tỷ) và tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP dự kiến chỉ đạt 40,2% so với kế hoạch là 53%.

Trên cơ sở đó, kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 được xây dựng với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội bình quân là 13 - 14%, trong đó khu vực công nghiệp-xây dựng tăng 20,7% (chiếm tỷ trọng 36,1%), nông-lâm-ngư nghiệp tăng 6,5% (chiếm 26,2%) và khu vực dịch vụ 12,7%/năm (chiếm 37,7%).

- Phần đầu tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh từ 450 triệu USD năm 2010 lên khoảng 650 triệu USD vào năm 2015. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong giai đoạn 5 năm 2011 - 2015 là 2,8 tỷ USD.

- Tăng nhanh đầu tư toàn xã hội, thời kỳ 2011 - 2015 tổng vốn đầu tư xã hội dự đoán đạt 42 - 45 % tổng GDP 5 năm.

- Phần đầu thời kỳ 2011 - 2015 hàng năm tạo việc làm mới cho 25.000 -

30.000 chỗ làm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt khoảng 55%.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 47% vào năm 2015.

Trong hai năm 2011 và 2012, tỉnh Bình Định trong bối cảnh chung của kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp: lạm phát, mặt bằng lãi suất, giá cả nguyên, nhiên, vật liệu và nhiều loại hàng hóa tiêu dùng liên tục tăng cao, sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến đời sống của người dân trong tỉnh. Trong nước, việc thắt chặt tài khóa và tiền tệ để kiềm chế lạm phát là cần thiết nhưng hệ quả là cầu nội địa giảm mạnh, hàng tồn kho lớn, lãi suất tín dụng tăng cao; doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, sản xuất khó khăn. Ở Bình Định cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, sản xuất công nghiệp giảm sút, phần lớn các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Trước tình hình đó, UBND tỉnh cùng các ngành, các cấp đã tập trung chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện tốt các chủ trương của Chính phủ và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp điều hành phù hợp. Dự ước kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2012 như sau:

Tổng sản phẩm địa phương (GDP) cả năm ước tăng 8,37% (kế hoạch 11%). Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ trong GDP năm 2012 đạt: 34,63% - 27,03% - 38,34% (kế hoạch 33,4%- 28,8% - 37,8%). Sản lượng lương thực có hạt đạt 697.680 tấn (kế hoạch 695.000 tấn). Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 8,08% (kế hoạch 16,1%). Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 521,6 triệu USD (kế hoạch 480 triệu USD).

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 14.730 tỷ đồng, chiếm 34,9% GDP (kế hoạch 15.900 tỷ đồng, chiếm 38,5% GDP). Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 4.271 tỷ đồng (kế hoạch 3.738 tỷ đồng), vượt 12,7% dự toán và tăng 22,1% so với năm 2011; trong đó, thu nội địa 3.181 tỷ đồng, vượt 7,8% dự toán. Tổng chi ngân sách ước đạt 7.291 tỷ đồng (kế hoạch 5.331 tỷ đồng).

Tỷ suất giảm sinh đạt kế hoạch 0,3‰. Tạo chỗ làm mới cho 22.585 lao động (kế hoạch 25.000 lao động). Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, bồi dưỡng nghề đạt kế hoạch 40%. Tỷ lệ hộ nghèo còn 11,5%, đạt kế hoạch giảm 2%. Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt kế hoạch 95,6%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 15,84% (so với kế hoạch 16,8%).

Tỷ lệ che phủ rừng đạt 47,5% (kế hoạch 46,7%). Tỷ lệ dân cư đô thị sử

dụng nước sạch 61% (kế hoạch 56,5%). Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt kế hoạch 94,5%.

Công tác xúc tiến hợp tác trong và ngoài nước có nhiều cố gắng, trong hai năm qua đã tiến hành hợp tác với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (ITPC) để kết nối thông tin liên quan đến hoạt động xúc tiến đầu tư theo chương trình hợp tác giữa Bình Định và thành phố Hồ Chí Minh; triển khai các nội dung hợp tác đã ký kết với tỉnh Hà Tĩnh; ký kết chương trình hợp tác đầu tư giữa tỉnh Bình Định với Bình Dương và Lâm Đồng; ký Biên bản hợp tác với các tỉnh nam Lào giai đoạn 2011-2015. Tham gia một số hoạt động tại Sự kiện gặp gỡ Việt - Nhật trong chương trình kỷ niệm 40 năm tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam- Nhật Bản (1973-2013) được tổ chức tại Thủ đô Tokyo và Tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư tại Osaka; phối hợp với Quỹ nghiên cứu phát triển miền Trung tổ chức thành công Hội thảo khoa học với chủ đề “Kinh nghiệm thu hút đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp các tỉnh duyên hải miền Trung”...

Trong hai năm 2011 và 2012, đã cấp chứng nhận đầu tư thêm cho 14 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) với số vốn đăng ký 65 triệu USD, nâng tổng số dự án FDI trên địa bàn tỉnh lên 50 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký 730.921.000 USD; bao gồm: 29 dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, xây dựng; 6 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và 15 dự án đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ. Khu kinh tế cấp 19 dự án, tổng vốn đăng ký 600.743.000 USD; UBND tỉnh cấp 31 dự án, tổng vốn đăng ký 130.178.000 USD. Nhiều dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư triển khai rất chậm, UBND tỉnh đang chỉ đạo rà soát để thu hồi chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đầu tư các dự án không đáp ứng yêu cầu tiến độ đầu tư.

Đến cuối năm 2012, trên địa bàn tỉnh có 26 dự án được đầu tư bằng nguồn đầu tư phát triển chính thức (ODA), với tổng mức vốn cam kết 241,63 triệu USD. Nhìn chung, các dự án ODA triển khai đúng tiến độ. Tính đến cuối năm 2012, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 51 dự án, với tổng vốn đầu tư trên 2.060 tỷ đồng.

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH, CÔNG TÁC ĐIỀU PHỐI PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG KTTĐ

1. Tình hình triển khai Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg ở Bình Định

Thực hiện Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Thành lập Tổ chức điều phối phát triển các vùng KTTĐ, UBND tỉnh Bình Định đã cử một đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh làm Thành để phối hợp các hoạt động phát triển giữa các ngành Trung ương với tỉnh và các địa phương nhằm tạo ra sự thống nhất trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đồng bộ trong triển khai đầu tư để đạt hiệu quả cao trong phát triển kinh tế - xã hội của các vùng KTTĐ.

Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo tỉnh đã đại diện cho tỉnh Bình Định, tổ chức triển khai thực hiện chương trình phối hợp phát triển của các Bộ và các địa phương trong các vùng KTTĐ; thường xuyên đề xuất các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn có liên quan đến tỉnh Bình Định và các địa phương về các vấn đề có liên quan đến phát triển và phối hợp phát triển trong các vùng KTTĐ. Tham gia đầy đủ các cuộc họp tổ chức tại Hà Nội hoặc các tỉnh, làm việc với các đoàn công tác trực tiếp đến tỉnh, họp trực tuyến về các công việc chung của Ban Chỉ đạo; thực hiện việc báo cáo theo định kỳ và đột xuất về tình hình phát triển và phối hợp phát triển của ngành mình, địa phương mình với các ngành và các địa phương khác trong các vùng KTTĐ.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã cử một cán bộ thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm thành viên của Tổ điều phối trong vùng KTTĐ để thực hiện nhiệm vụ phối hợp giữa Ban Chỉ đạo với tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp Trung ương và Bình Định trong việc lập, tổ chức thực hiện quy hoạch; xây dựng báo cáo các vấn đề về quy hoạch, kế hoạch và tình hình phát triển của tỉnh trình Ban Chỉ đạo gửi về Văn phòng Ban Chỉ đạo.

Nội dung các vấn đề tỉnh kiến nghị tập trung vào các khó khăn, vướng mắc trong phát triển và phối hợp phát triển của tỉnh Bình Định và kiến nghị các giải pháp tháo gỡ. Ngoài ra, khi có yêu cầu, thành viên của Tổ điều phối thuộc tỉnh Bình Định thường xuyên cung cấp thông tin liên quan tới chủ trương phát triển của các ngành Trung ương, tác động của các cơ chế, chính sách đang thực thi tới tỉnh Bình Định.

2. Đánh giá chung về mô hình điều phối theo Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg ở Bình Định

Việc hình thành tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ của Ban chỉ đạo Trung ương, địa phương, phân công trách nhiệm đối với từng chức danh và của

của các cấp, các ngành nhằm tổ chức thực hiện mô hình Tổ chức điều phối phát triển kinh tế tại Bộ, ngành và địa phương nhìn chung tuân thủ theo Quyết định 20/2004/QĐ-TTg. Tuy nhiên do vai trò chi phối đối với nhiệm vụ theo Quyết định trên rất hạn chế.

Việc chỉ đạo phối hợp thực hiện theo đúng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, rà soát các quy hoạch cho phù hợp thực tế và yêu cầu phát triển hầu như phụ thuộc vào mỗi địa phương trong quá trình xây dựng quy hoạch của địa phương mình. Còn việc chỉ đạo thực hiện các vấn đề mang tầm vóc của vùng như đầu tư xây dựng hạ tầng, môi trường, phát triển nguồn nhân lực, đối ngoại, liên kết vùng... thì tiếng nói Ban chỉ đạo chưa mạnh do chưa phải là cấp đóng vai trò ra quyết định đầu tư. Các chương trình phối hợp phát triển của các Bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng KTTĐ được đưa ra mang tính dàn trải, chưa thực sự mang tính đột phá làm cho vùng phát triển..

Bên cạnh đó, nhiều địa phương chưa quan tâm đến công tác điều phối vì thời gian qua hiệu quả triển khai không cao, chưa có tác động gì lớn đến phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương mình. Do đó, ở nhiều địa phương chưa có Tổ điều phối, chỉ có một vài cán bộ thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công tác này.

Quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương ban hành tại Quyết định số 159/2007/QĐ-TTg ngày 10/10/2007 đã quy định rất chi tiết về nguyên tắc, nội dung và phương thức phối hợp. Tuy nhiên, với nguyên nhân là hiệu quả công tác phối hợp chưa cao nên các nội dung thuộc Quyết định 159/2007/QĐ-TTg dù được tuân thủ nhưng kết quả tác động không nhiều đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình.

3. Kết quả thực hiện mô hình tổ chức điều phối, công tác điều phối phát triển các vùng KTTĐ trên các lĩnh vực

a. Về phát triển kinh tế - xã hội vùng KTTĐ

Trong thời gian qua, việc xây dựng và thực hiện các quy hoạch ngành trong các vùng KTTĐ đã có sự phối hợp để bảo đảm tính đồng bộ về các nội dung chủ yếu về phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất và mở rộng thị trường, khai thác điều kiện tự nhiên và giữ gìn, cải thiện môi trường của vùng và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Các quy hoạch ngành đã có sự phối hợp giữa nội dung của quy hoạch các tỉnh trong Vùng với nhau để bảo đảm sự thống nhất trên

phạm vi lãnh thổ vùng, tránh chồng chéo, lãng phí.

b. Về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng KTTĐ

UBND tỉnh Bình Định trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng KTTĐ miền Trung và quy hoạch ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 nhằm cụ thể hoá các nội dung quy hoạch vùng KTTĐ miền Trung.

Nội dung quy hoạch đã có sự phối hợp trong các lĩnh vực như: kết nối hệ thống giao thông; hạ tầng thông tin; hệ thống cung cấp và sử dụng nguồn nước; xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại; sản xuất sản phẩm chủ yếu; phát triển nguồn nhân lực; cơ sở dạy nghề; đào tạo cao đẳng, đại học; các cơ sở nghiên cứu khoa học; các bệnh viện và hệ thống đô thị.

Tuy nhiên Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chỉ lấy ý kiến trực tiếp từ các Bộ, ngành trung ương nhưng chưa lấy ý kiến tham gia của Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng KTTĐ miền Trung.

c. Về quy hoạch phát triển các lĩnh vực kết cấu hạ tầng, quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm chủ yếu

Bộ, ngành đã triển khai xây dựng các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu và thường đều có văn bản ý kiến các địa phương trong Vùng góp ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và đã tạo ra “khung kết cấu hạ tầng” đồng bộ cho vùng KTTĐ.

Trên cơ sở đó, tỉnh Bình Định cũng đã phối hợp với các Bộ, ngành có chức năng xây dựng quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu để xây dựng quy hoạch ngành, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh như Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nhơn Hội; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch Nông nghiệp; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển Công nghiệp; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 3 loại rừng; Quy hoạch trồng rừng và bảo vệ rừng ngập mặn; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2011 – 2015; Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; Quy hoạch phát triển nhân lực...

Qua đó, các quy hoạch trên bảo đảm tính đồng bộ trong quy hoạch phát

triển đến năm 2020 của tỉnh trên địa bàn vùng KTTĐ miền Trung.

d. Về huy động vốn đầu tư phát triển

Tỉnh Bình Định đã tích cực tham gia cũng như phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng KTTĐ miền Trung tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư, huy động vốn đầu tư từ nước ngoài (vốn FDI, ODA), huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước tham gia đầu tư tại tỉnh và các tỉnh trong vùng KTTĐ miền Trung trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các vùng KTTĐ và của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bên cạnh đó Bình Định cũng tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong việc xây dựng và ban hành chính sách phù hợp với các quy định của pháp luật để huy động vốn đầu tư; tránh tình trạng chống chéo, gây cản trở trong quá trình phát triển giữa các địa phương.

e. Về đầu tư phát triển

Tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành trung ương và các địa phương trong vùng KTTĐ trong việc huy động vốn đối với các công trình, dự án có liên quan đến Bình Định đồng thời với các địa phương khác trong vùng như: xử lý nước thải, chất thải rắn; phát triển cảng Quy Nhơn, sân bay Phù Cát; xây dựng hệ thống đường giao thông kết nối ven biển, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 19, đường cao tốc Bắc Nam; hạ tầng thông tin; phát triển khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp; xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới trường dạy nghề; hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cơ sở dữ liệu; phát triển hệ thống các trung tâm y tế; phát triển và xây dựng các hồ thủy lợi Định Bình...

Việc xây dựng các công trình, dự án xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường triển khai trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch của các địa phương lân cận và phải đảm bảo sự đồng bộ với triển khai các dự án có liên quan.

Đối với các dự án đầu tư phát sinh do nhu cầu thực tế phát triển trên địa bàn tỉnh Bình Định nhưng chỉ có trong quy hoạch của tỉnh Bình Định mà không có trong quy hoạch ngành, quy hoạch vùng KTTĐ miền Trung thì UBND tỉnh đã triển khai việc thống nhất với các Bộ, ngành liên quan trước khi trình Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư để quyết định đầu tư và triển khai thực hiện.

g. Về phát triển đào tạo và sử dụng lao động

Trong thời gian qua, việc xây dựng các trường đại học, cao đẳng, trung

học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề trong vùng KTTĐ miền Trung để đào tạo lao động cho các tỉnh trong Vùng chưa có sự phối hợp với nhau. Do vậy chưa phát huy thế mạnh của mỗi trường và đã có sự trùng lặp, đầu tư xây dựng một số trường đại học trong vùng kém hiệu quả.

Việc phối hợp trong sử dụng lao động chủ yếu là tự phát, nhất là lao động di chuyển. Đối với lao động khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế chưa có định hướng, hướng dẫn, phối hợp hỗ trợ giới thiệu việc làm có hiệu quả. Việc phối hợp trong việc xây dựng và bố trí nhà ở, các công trình thiết yếu cho người lao động chưa cao.

h. Về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành thực hiện cơ chế, chính sách tài chính, đầu tư

Tỉnh Bình Định trong thời gian qua đã cụ thể hoá chính sách chung cho phù hợp với Bình Định, đồng thời phải phù hợp với quy định hiện hành (theo Chỉ thị số 07/2001/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm tính thống nhất trong các quy định về thuế, đầu tư, ngân sách nhà nước, lao động trong các văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với các cam kết quốc tế) và bảo đảm sự thống nhất trong toàn vùng.

Tỉnh đã vận dụng các cơ chế, chính sách hiện hành để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Vùng như chính sách chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số; tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, các đối tượng chính sách khác, hộ sản xuất kinh doanh ở vùng khó khăn và vùng đặc biệt khó khăn

Tiếp tục thực hiện các quy định về chế độ cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý nhà nước các cấp, nhất là cấp cơ sở;

Khuyến khích các doanh nghiệp tự tuyển dụng lao động và tự đào tạo lao động vào làm việc ổn định tại doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp trồng cây công nghiệp, trồng rừng, khai thác hải sản thì được Nhà nước trợ cấp một khoản kinh phí bằng mức trợ cấp kinh phí đào tạo nghề cho doanh nghiệp để tự tổ chức dạy nghề cho người lao động mới;

Tỉnh cũng thường xuyên kiến nghị việc rà soát, sửa đổi và bổ sung các

quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo Luật Đầu tư, Luật Ngân sách nhà nước phù hợp với đặc thù của vùng KTTĐ miền trung như: Bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách các địa phương; thực hiện cơ chế xây dựng dự toán ngân sách địa phương một cách công khai, minh bạch.

i. Về việc thiết lập hệ thống thông tin và cung cấp thông tin vùng

Tỉnh Bình Định đã thường xuyên có trách nhiệm cung cấp thông tin về các lĩnh vực liên quan đến nội dung, cơ chế phối hợp phát triển trong các vùng KTTĐ trên địa bàn tỉnh cho Văn phòng Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng KTTĐ. Các nội dung thông tin cần cung cấp gồm: các dự án đầu tư, cơ chế chính sách, dự báo thị trường, tiến bộ công nghệ và tình hình thực hiện hàng năm và 5 năm về các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, các chỉ tiêu về đầu tư nước ngoài, các chỉ tiêu về đầu tư từ ngoài tỉnh, các chỉ tiêu về xã hội và môi trường.

III. KIẾN NGHỊ MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ PHỐI HỢP

1. Một số kiến nghị về mô hình tổ chức:

- Mô hình tổ chức theo như hiện nay là tạm ổn nhưng vấn đề ở đây là tác dụng của công tác phối hợp. Nhiệm vụ phối hợp đặt nặng về công tác quy hoạch. Nhưng hiện nay các chế tài cho công tác quy hoạch rất mờ nhạt nên vai trò điều phối không thể mạnh được. Do vậy cần hình thành bộ Luật về quy hoạch, phân định rõ các loại Quy hoạch để điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực Quy hoạch.

- Vai trò của Vùng KTTĐ miền Trung cũng như các vùng KTTĐ khác hiện nay còn mờ nhạt nên công tác điều phối chưa phát huy tác dụng. Do vậy cần có các dự án mang tính đột phá để thể hiện vai trò Vùng của mình nhưng quan trọng hơn là với các dự án tầm cỡ đó mới có thể vừa liên kết các địa phương vừa phân công được nhiệm vụ cho mỗi địa phương và thể hiện tác dụng của công tác điều phối.

- Mô hình điều phối cần thể hiện được việc hình thành cơ chế chính sách đặc thù cho vùng KTTĐ nhằm khuyến khích phát triển cho từng vùng để việc điều phối trong công tác đầu tư mang tính tập trung, tránh dàn trải, tạo điều kiện đào tạo và phân bổ nguồn nhân lực trong vùng.

2.. Một số kiến nghị về quy chế phối hợp:

- Thời gian qua, sự đầu tư liên vùng nhà nước dành cho Vùng KTTĐ

miền Trung chưa tương xứng với vùng. Các dự án trọng điểm về giao thông, như mở đường cao tốc liên vùng, phát triển các sân bay quốc tế... Do vậy Vùng được quy hoạch là Vùng KTTĐ miền Trung cần được cơ chế chính sách đặc thù liên vùng trong việc điều phối xúc tiến, thu hút, thực hiện đầu tư.

- Điều kiện hạ tầng hỗ trợ phát triển Vùng KTTĐ miền Trung hiện còn hạn chế, vì vậy các tỉnh trong vùng chưa khai thác và phát huy tốt hiệu quả những tiềm năng. Trong thời gian tới, đề nghị Trung ương cần có chiến lược đầu tư, kiến toàn hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Đề nghị đầu tư hoàn chỉnh hệ thống tuyến đường ven biển để tạo thành tuyến giao thông liên vùng quan trọng, tạo nên sự liên kết giao thương hữu hiệu giữa các tỉnh trong Vùng KTTĐ miền Trung; từ đó thu hút, phát triển các dự án ven biển, khai thác tiềm năng về biển, nhất là du lịch biển.

- Xây dựng hệ thống chính sách và tập trung đầu tư mở rộng, hiện đại hóa ngành hàng hải và kêu gọi những dự án lớn. Đây là lợi thế so sánh và là thế mạnh của các tỉnh miền Trung chưa được khai thác hết.

- Với những lợi thế vượt trội về phát triển du lịch, cần phối hợp xây dựng một quy hoạch du lịch chung về chuỗi du lịch chất lượng cao cho vùng KTTĐ miền Trung với sự có mặt của các khu resort cao cấp tiêu chuẩn từ 4 sao trở lên để có thể cạnh tranh được với các trung tâm du lịch lớn trong khu vực như Bali (Indonesia), đảo Pukhet (Thái Lan)... và trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

- Đề nghị Bộ Công Thương chỉ đạo EVN thống nhất phương thức triển khai xây dựng các nhà máy phong điện hoặc thành lập Quỹ phát triển năng lượng tái tạo để hỗ trợ cho các dự án phong điện. Với những chính sách trên, ngành công nghiệp phong điện ở các tỉnh trong vùng trọng điểm sẽ có cơ hội phát triển.

- Đề nghị Chính phủ nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư của vùng nhằm định hướng các nhà đầu tư tập trung vào vùng KTTĐ miền Trung. Từ đó mới có thể khai thác tiềm năng còn chưa được khai thác hết của vùng.

- Các tỉnh trong Vùng KTTĐ miền Trung có các điều kiện tự nhiên khá giống nhau dẫn đến một số công trình lớn về cơ sở hạ tầng được đầu tư ở các địa

phương mạnh mún, không mang tính chất vùng. Do vậy đề nghị có sự điều tra, khảo sát và đánh giá hiệu quả của các công trình quy mô lớn đã và đang đầu tư; đồng thời xác định một số công trình mới mang tính chất vùng để đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.

- Ngoài việc liên kết giữa các tỉnh trong vùng KTTĐ, kiến nghị Ban chỉ đạo tạo điều kiện tổ chức để vùng và các tỉnh trong vùng tăng cường hợp tác với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận, các tỉnh của Nam Lào và Đông Bắc Campuchia có lợi thế tương đồng để tạo điều kiện cho nhau phát triển, nhằm: phối hợp trong xây dựng, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác dự báo, đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế; tránh đầu tư chồng chéo không hiệu quả; tạo điều kiện khai thác, trồng cây nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến (Có phụ lục kèm theo).

Ủy ban nhân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã Ký

Hồ Quốc Dũng